

Số: 245/QĐ-CDKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp phần thưởng khuyến khích học tập đối với sinh viên
trình độ Cao đẳng chính quy Học kỳ I Năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết luận của Hội đồng theo biên bản họp Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trình độ cao đẳng, trung cấp hình thức chính quy Học kỳ I Năm học 2024-2025 của Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 07/TTr-CTHSSV ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc đề xuất phần thưởng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên Học kỳ I Năm học 2024 - 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phần thưởng khuyến khích học tập Học kỳ I Năm học 2024-2025 đối với 348 sinh viên khóa 18, 19, 20 trình độ Cao đẳng hình thức chính quy (danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức phần thưởng chi theo Tờ trình số 07/TTr-CTHSSV ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng các đơn vị có liên quan, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài chính, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Quản trị Kinh doanh, khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Ngoại ngữ, khoa Khoa học xã hội - Khách sạn - Du lịch, Khoa Công nghệ thông tin và học sinh sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN PHẦN THƯỞNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Đính kèm quyết định số: 245/QĐ-CDKT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
		I. XẾP LOẠI XUẤT SẮC							86.000.000	
1	1	22662006	Đinh Phát	Đạt	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CIS)	Xuất sắc	2.000.000	
2	2	22662054	Lê Thị Kim	Ngân	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CIS)	Xuất sắc	2.000.000	
3	3	22662004	Trần Thị Phi	Nhung	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CIS)	Xuất sắc	2.000.000	
4	4	22671005	Phạm Thị	Hoa	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
5	5	22671001	Phan Nhật Khánh	Vy	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
6	6	22671003	Châu Tôn	Vinh	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
7	7	22671006	Nguyễn Phan Kiều	My	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
8	8	22631341	Trần Thị Thanh	Bình	18CKT12	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
9	9	22631044	Võ Thị Hồng	Loan	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
10	10	22631275	Lê Phương Minh	Khoa	18CKT10	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
11	11	22631056	Nguyễn Thị Minh	Phương	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
12	12	22631562	Nguyễn Ngọc	Tuấn	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
13	13	22631150	Vũ Thị Thanh	Thúy	18CKT05	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
14	14	22634008	Phan Nhựt	Lâm	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
15	15	22634011	Phan Ngọc	Dung	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
16	16	22622003	Bùi Ngọc Huỳnh	Như	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
17	17	22622088	Phan Thị Trâm	Anh	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
18	18	22622056	Nguyễn Hà Phương	Thảo	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
19	19	22622009	Huỳnh Phạm Đăng	Quang	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
20	20	22622044	Nguyễn Hoàng	Anh	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
21	21	22622053	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
22	22	22622021	Cao Thị Bích	Quyên	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
23	23	23671006	Trần Ngọc Kim	Tiên	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
24	24	23671005	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	2.000.000	
25	25	23634033	Nguyễn Thị Thu	Phương	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
26	26	23634028	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Ánh	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
27	27	23613136	Trần Kim	Phượng	19CLG05	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
28	28	23613021	Trần Thanh	Danh	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
29	29	23613035	Nguyễn Trần Như	Ý	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
30	30	23613060	Nguyễn Phú	Toàn	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
31	31	23641423	Ngô Ngọc Lệ	Trinh	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
32	32	23635013	Lê Thị Ngọc	Hiền	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
33	33	23635055	Quách Quang	Minh	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
34	34	23635021	Phan Thị Bích	Hồng	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
35	35	23635108	Huỳnh Thị Ngọc	Như	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
36	36	23621154	Nguyễn Trang Thanh	Diệu	19CTA06	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
37	37	23621014	Nguyễn Duy	Vũ	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
38	38	23621139	Phạm Thành	Đạt	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
39	39	23621052	Phan Đắc	Bửu	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
40	40	23621001	Nguyễn Lê Thảo	Vy	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
41	41	23622059	Võ Trần Tuyết	Sương	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
42	42	23622055	Trần Liên Ngọc	Trâm	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
43	43	23622031	Nguyễn Lý Hồng	Nguyên	19CKR02	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Xuất sắc	2.000.000	
		II. XẾP LOẠI GIỎI							305.000.000	
44	1	22661023	Lương Văn	Huy	18CIT01	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
45	2	22661020	Nguyễn Thái Tấn	Kiệt	18CIT01	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
46	3	22661064	Văn Kiên	Vinh	18CIT03	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
47	4	22661008	Trần Hồ Nhật	Luân	18CIT01	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
48	5	22661052	Trịnh Bội	Linh	18CIT02	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
49	6	22661037	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18CIT02	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
50	7	22661031	Lao Thành	Phát	18CIT02	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
51	8	22661030	Lưu Quốc	Trung	18CIT01	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
52	9	22661034	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	18CIT02	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
53	10	22661145	Nguyễn Phúc	Thiện	18CIT05	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
54	11	22661087	Trần Thị	Bích	18CIT03	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
55	12	22661100	Nguyễn Chí	Linh	18CIT04	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
56	13	22661105	Nguyễn Bảo	Toàn	18CIT04	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
57	14	22661003	Nguyễn Tường	Vy	18CIT01	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
58	15	22661091	Nguyễn Cao Phương	Bình	18CIT04	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
59	16	22661137	Huỳnh Trung	Thành	18CIT05	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
60	17	22661002	Lương Quang	Điệp	18CIT01	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
61	18	22662008	Trần Hương	Trúc	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
62	19	22662057	Dương Tùng	Dương	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
63	20	22662047	Trần Gia	Huy	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
64	21	22661102	K'	Kiệt	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
65	22	22662055	Tôn Nguyễn Trung	Hiếu	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
66	23	22662001	Nguyễn Hoàng Băng	Nhi	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
67	24	22662012	Trương Nguyễn Đoan	Trang	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
68	25	22661144	Nguyễn Quang	Minh	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
69	26	22662049	Trần Quốc	Toản	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
70	27	22671026	Đặng Minh	Quân	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
71	28	22671020	Đỗ Thị	Hạnh	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
72	29	22671027	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
73	30	22671011	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
74	31	22671009	Trịnh Tuyết	Nhi	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
75	32	22671007	Vũ Trần Ngọc	Như	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
76	33	22671015	Nguyễn Quốc	Việt	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
77	34	22671021	Hoàng Thị Phương	Thảo	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
78	35	22671025	Nguyễn Ngọc	Linh	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
79	36	22671017	Nguyễn Khánh	Chung	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
80	37	22681040	Thị	Thúy	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
81	38	22681012	Ngô Hoài	Mộng	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
82	39	22681028	Nguyễn Ngọc Tiểu	Tuyết	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
83	40	22681045	Huỳnh Trung	Tín	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
84	41	22681034	Trần Thị Thảo	Nguyên	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
85	42	22681033	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
86	43	22681025	Nguyễn Thị	Loan	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
87	44	22681001	Đào Ngọc Diễm	Châu	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
88	45	22681010	Quan Phôi	Phụng	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
89	46	22631213	Thái Bảo	Doanh	18CKT08	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
90	47	22631088	Nguyễn Thị Kim	Anh	18CKT03	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
91	48	22631183	Võ Ngọc Minh	Châu	18CKT07	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
92	49	22631067	Phạm Nguyễn Ngọc Anh	Thư	18CKT03	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
93	50	22631229	Nguyễn Thị Kim	Quý	18CKT08	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
94	51	22631257	Nguyễn Thị Ngân	Hà	18CKT09	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
95	52	22631552	Phạm Thị Anh	Thư	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
96	53	22631037	Đặng Quỳnh	Ngân	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
97	54	22631221	Nguyễn Thị	Hồng	18CKT08	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
98	55	22631430	Hồ Nguyễn Ngọc	Trinh	18CKT15	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
99	56	22631561	Nguyễn Thị	Trâm	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
100	57	22631130	Lê Thị Huỳnh	Nga	18CKT05	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
101	58	22631391	Lê Thị Bích	Trâm	18CKT14	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
102	59	22631495	Huỳnh Phạm Mỹ	Phương	18CKT17	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
103	60	22631066	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18CKT03	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
104	61	22634014	Huỳnh Thị Thuý	Dương	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
105	62	22634027	Mai Thị Cẩm	Quyên	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
106	63	22634030	Đinh Nguyễn Phương	Trân	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
107	64	22651011	Võ Thành	Huy	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
108	65	22651015	Từ Thị Thúy	Nguyên	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
109	66	22641215	Ông Minh	Nguyệt	18CQT08	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
110	67	22641265	Lê Thúy	Vy	18CQT09	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
111	68	22641539	Lê Yên	Nhi	18CQT18	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
112	69	22641294	Nguyễn Thị Kim	Thùy	18CQT10	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
113	70	22641107	Nguyễn Quang	Ngọc	18CQT04	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
114	71	22682019	Võ Lê Kim	Ngân	18CKS01	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
115	72	22682009	Nguyễn Thị	Huệ	18CKS01	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
116	73	22682042	Phạm Duy	Khoa	18CKS02	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
117	74	22682053	Nguyễn Hữu	Nguyên	18CKS02	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
118	75	22682005	Nguyễn Nhật	Hào	18CKS01	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
119	76	22682059	Trần Thị Thanh	Ngân	18CKS02	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
120	77	22682013	Nguyễn Trần Tường	Vy	18CKS02	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
121	78	22682024	Nguyễn Ngọc Mai	Thư	18CKS01	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
122	79	22682061	Nguyễn Tuấn	Anh	18CKS02	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
123	80	22682014	Trần Hoàn	Châu	18CKS01	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
124	81	22635022	Nguyễn Lê Uyên	Trâm	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
125	82	22635034	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	18CFB02	18	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
126	83	22635085	Nguyễn Thị Hồ	Điệp	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
127	84	22635114	Võ Đại Minh	Đầu	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
128	85	22622087	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
129	86	22622050	Lâm Thị Như	Ý	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
130	87	22622083	Lê Kim	Nhàn	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
131	88	22622054	Lê Kiều	My	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
132	89	22622001	Phan Thị Bảo	Trâm	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
133	90	22622032	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
134	91	22622026	Võ Thị Kim	Đoan	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
135	92	22622052	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
136	93	22622062	Nguyễn Ngọc Như	Ý	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
137	94	22622084	Nguyễn Đỗ Phương	Vy	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
138	95	22622060	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
139	96	23661045	Võ Thành	Đạt	19CIT02	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
140	97	23661006	Nguyễn Trần Thiên	Ân	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
141	98	23661039	Lê Chí	Bảo	19CIT02	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
142	99	23661004	Phùng Xuân	Hoàng	19CIT01	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
143	100	23661031	Nguyễn Tấn	Lợi	19CIT02	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
144	101	23661078	Trần Trọng	Hiếu	19CIT03	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
145	102	23661035	Nguyễn Hữu	Phúc	19CIT02	19	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
146	103	23662027	Vi Linh Xuân	Vinh	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
147	104	23661088	Phạm	Tuân	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
148	105	23662002	Nguyễn Văn	Đạt	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
149	106	23662051	Đặng Hỷ	Xuân	19CSI02	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
150	107	23662005	Cao Thị Ngọc	Như	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
151	108	23662025	Đỗ Thị Yến	Linh	19CSI01	19	Công nghệ thông tin (UDPM) (CSI)	Giỏi	1.000.000	
152	109	23671020	Đỗ Thị Thanh	Thùy	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
153	110	23671024	Đậu Thị Như	Quỳnh	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
154	111	23671039	Nguyễn Hữu Tịnh	Nghi	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
155	112	23671013	Phạm Thị Thùy	Dương	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
156	113	23671015	Nông Thị Thúy	Nga	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
157	114	23671026	Nhâm Nguyễn Thảo	My	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
158	115	23671025	Lâm Quế	Phương	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
159	116	23671017	Huỳnh Thùy	Linh	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
160	117	23671028	Trần Thụy	Viên	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
161	118	23671004	Ngô Quốc	Thái	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
162	119	23671030	Nguyễn Ngọc Trang	Đài	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
163	120	23671007	Châu Nguyễn Kim	Khánh	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
164	121	23671014	Lê Thị Quỳnh	Nhi	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
165	122	23671029	Phạm Đình	Tiến	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
166	123	23671018	Phạm Nguyễn Thy	Trúc	19CTX01	19	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
167	124	23600160	Huỳnh Tuấn	Phát	19CMG01	19	Đồ họa đa phương tiện (CMG)	Giỏi	1.000.000	
168	125	23681037	Đỗ Quốc	Thịnh	19CDL02	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
169	126	23681036	Lê Minh	Thuận	19CDL02	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
170	127	23681022	Lâm Thanh	Xuân	19CDL01	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
171	128	23681043	Đặng Thị Thanh	Thảo	19CDL02	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
172	129	23681003	Vũ Đăng	Khôi	19CDL01	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
173	130	23681038	Phạm Kim	Ngân	19CDL02	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
174	131	23681050	Bành Quốc	Thái	19CDL02	19	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
175	132	23631018	Trần Thị Ngọc	Huyền	19CKT01	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
176	133	23631037	Phạm Thị Kim	Ngân	19CKT02	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
177	134	23631083	Lê Hồng	Phúc	19CKT03	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
178	135	23631227	Lê Thị Tố	Trinh	19CKT08	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
179	136	23631165	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	19CKT06	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
180	137	23631265	Trương Ngọc	Huệ	19CKT09	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
181	138	23631082	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	19CKT03	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
182	139	23631220	Võ Lê Yến	Ngân	19CKT08	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
183	140	23631169	Trần Thị Mai	Thi	19CKT06	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
184	141	23631267	Nguyễn Như	Huỳnh	19CKT09	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
185	142	23631084	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	19CKT03	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
186	143	23631011	Nguyễn Thúy	Hằng	19CKT01	19	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
187	144	23634023	Nguyễn Trần Ngọc Tường	Vy	19CAD01	19	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
188	145	23611075	Lý Kim	Phụng	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
189	146	23611101	Huỳnh Thị Lan	Anh	19CKD04	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
190	147	23611124	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
191	148	23611133	Lê Tuyết	My	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
192	149	23611086	Lường Thị	Phương	19CKD03	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
193	150	23611053	Huỳnh Thị	Diễm	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
194	151	23611042	Cao Thị Diễm	Thương	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
195	152	23611159	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	19CKD06	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
196	153	23611026	Nguyễn Hà Thanh	Dung	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
197	154	23611047	Nguyễn Xuân	Thảo	19CKD02	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
198	155	23611020	Võ Ngọc Phương	Dung	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
199	156	23611006	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
200	157	23611005	Huỳnh Kim	Ngân	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
201	158	23611146	Huỳnh Thị Kim	Phúc	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
202	159	23611148	Đinh Anh	Thư	19CKD05	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
203	160	23611016	Châu Nguyễn Thảo	Nhi	19CKD01	19	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
204	161	23612034	Trần Thị Hương	Trâm	19CXN02	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
205	162	23612016	Nguyễn Thị Kim	Phụng	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
206	163	23612011	Nguyễn Thị Kim	Toàn	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
207	164	23612020	Trần Gia	Huy	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
208	165	23612030	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi	19CXN01	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
209	166	23612076	Trương Thị Trúc	Trinh	19CXN03	19	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
210	167	23613084	Trần Văn	Thông	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
211	168	23613017	Huỳnh Huy	Hiệp	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
212	169	23613114	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
213	170	23613037	Phan Thị Như	Quỳnh	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
214	171	23613027	Lý Thị Anh	Thư	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
215	172	23613146	Thạch Phú	Quý	19CLG05	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
216	173	23613202	Lê Phước	Thịnh	19CLG07	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
217	174	23613152	Phạm Thị Thanh	Tuyền	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
218	175	23613040	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
219	176	23613160	Trương Nhật	Anh	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
220	177	23613168	Lê Trần Hải	Yến	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
221	178	23613070	Nguyễn Hồng	Nguyên	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
222	179	23613091	Nguyễn Phúc	Thịnh	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
223	180	23613067	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
224	181	23613087	Phùng Thị Thanh	Trúc	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
225	182	23613191	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19CLG07	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
226	183	23613135	Phạm Huỳnh Hoàng	Phi	19CLG05	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
227	184	23613103	Hoàng Thị Thu	Duyên	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
228	185	23613004	Trần Phi	Yến	19CLG01	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
229	186	23613033	Nguyễn Hồng Mỹ	Duyên	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
230	187	23613075	Cao Nguyễn Hoài	Linh	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
231	188	23613164	Ngô Thị Kim	Thoa	19CLG06	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
232	189	23613046	Lê Thành	Đạt	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
233	190	23613031	Nguyễn Thị	Luận	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
234	191	23613092	Huỳnh Chí	Kiệt	19CLG04	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
235	192	23613039	Nguyễn Hồng Yến	Thảo	19CLG02	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
236	193	23613062	Huỳnh Thị Phương	Thảo	19CLG03	19	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
237	194	23600039	Lê Thanh Bảo	Yến	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
238	195	23600019	Trần Ngọc Phương	Quyên	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
239	196	23600103	Ngô Quang	Tạo	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
240	197	23600059	Vũ Phạm Quang	Vinh	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
241	198	23600090	Nguyễn Huỳnh	Như	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
242	199	23600203	Phạm Thị Quỳnh	Như	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
243	200	23600031	Trần Văn	Rin	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
244	201	23600002	Ngô Thị Thảo	Uyên	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
245	202	23600193	Nguyễn Quỳnh Tâm	Như	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
246	203	23600021	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
247	204	23600032	Dư Ngọc	Hồ	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
248	205	23600172	Hà Thị	Oanh	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
249	206	23600034	Nguyễn Thành	Danh	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
250	207	23600089	Nguyễn Quốc	Cường	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
251	208	23600167	Nguyễn Huỳnh Nhã	Ngọc	19CMK06	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
252	209	23600209	Nguyễn Hoàng	Nhật	19CMK07	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
253	210	23600114	Đinh Thị Yến	Trang	19CMK04	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
254	211	23600005	Trần Vũ Bảo	Thiên	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
255	212	23600028	Nguyễn Châu	Ngọc	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
256	213	23600042	Võ Thị Hồng	Thắm	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
257	214	23600241	Lê Thị Thu	Uyên	19CMK08	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
258	215	23600022	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	19CMK01	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
259	216	23600041	Lê Thị Kiều	Oanh	19CMK02	19	Marketing (CMK)	Giỏi	1.000.000	
260	217	23651020	Nguyễn Tấn	Lộc	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
261	218	23651010	Hoàng Thị Anh	Thủy	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
262	219	23651011	Nguyễn Thị Thanh	Trân	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
263	220	23651021	Đặng Thị Phương	Thanh	19CIM01	19	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
264	221	23641538	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	19CQT18	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
265	222	23641448	Trần Ngọc	Trinh	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
266	223	23641378	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	19CQT13	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
267	224	23641421	Lê Thị Thu	Thảo	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
268	225	23641415	Nguyễn Trúc Hải	My	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
269	226	23641259	Phan Minh	Khánh	19CQT09	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
270	227	23641337	Trần Thảo	Vy	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
271	228	23641436	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
272	229	23641356	Nguyễn Thị Thùy	Nhi	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
273	230	23641147	Trần Minh	Qui	19CQT05	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
274	231	23641178	Trịnh Xuân	Yến	19CQT06	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
275	232	23641442	Phan Thanh	Uyên	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
276	233	23641405	Huỳnh Thị Anh	Thư	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
277	234	23641481	Trang Thiên	Son	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
278	235	23641257	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	19CQT09	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
279	236	23641335	Danh Hoàng	Hữu	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
280	237	23641338	Lương Thị Thùy	Trang	19CQT12	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
281	238	23641400	Trần Thanh	Thảo	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
282	239	23641112	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
283	240	23641014	Lâm Vĩnh	Tường	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
284	241	23641059	Phạm Thị Thanh	Hiền	19CQT02	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
285	242	23641408	Huỳnh Ngọc Thùy	Trâm	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
286	243	23641278	Trần Thị Anh	Thảo	19CQT10	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
287	244	23641027	Nguyễn Đình Tuệ	Quang	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
288	245	23641465	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	19CQT16	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
289	246	23641110	Võ Lê Ngọc	Vy	19CQT04	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
290	247	23641407	Võ Lâm Hoàng	Minh	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
291	248	23641411	Lưu Ngọc Mai	Trâm	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
292	249	23641046	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	19CQT02	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
293	250	23641391	Lưu Diễm	Quỳnh	19CQT13	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
294	251	23641450	Phạm Ngọc Thanh	Thúy	19CQT15	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
295	252	23641416	Lê Thị Ánh	Tuyết	19CQT14	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
296	253	23641029	Nguyễn Thị Phương	Thảo	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
297	254	23641022	Huỳnh Ngọc Ái	Vy	19CQT01	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
298	255	23641385	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	19CQT13	19	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
299	256	23682036	Lưu Kim	Thanh	19CKS02	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
300	257	23682070	Bùi Thị Kiều	Trình	19CKS03	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
301	258	23682037	Nguyễn Ngọc Duyên	Thơ	19CKS02	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
302	259	23682110	Văn Minh	Ngọc	19CKS04	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
303	260	23682048	Lê Thị Ngọc	Tâm	19CKS02	19	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
304	261	23635004	Lê Nhật Khánh	Duy	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
305	262	23635172	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	19CFB06	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
306	263	23635128	Lương Thị Kim	Thoa	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
307	264	23635116	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
308	265	23635148	Nguyễn Trần Nhã	Linh	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
309	266	23635073	Phạm Thị Cẩm	Tiên	19CFB03	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
310	267	23635167	Trần Nguyễn Ngọc	Hiệp	19CFB06	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
311	268	23635181	Võ Minh	Hiếu	19CFB03	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
312	269	23635117	Trần Thị Thảo	Sương	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
313	270	23635134	Trần Phương	Vy	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
314	271	23635139	Lê Thị Phương	Thảo	19CFB05	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
315	272	23635041	Phạm Thị Thanh	Dung	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
316	273	23635105	Huỳnh Thị Lan	Hương	19CFB04	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
317	274	23635040	Nguyễn Hoàng	Đức	19CFB02	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
318	275	23635003	Đặng Hoàng Phương	Uyên	19CFB01	19	Tài chính - Ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
319	276	23600214	Hà Thanh	Thảo	19CCF01	19	Tài chính doanh nghiệp (CCF)	Giỏi	1.000.000	
320	277	23621133	Phạm Thị Kiều	Oanh	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
321	278	23621157	Lê Ngọc Bảo	Lam	19CTA06	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
322	279	23621122	Lê Ngọc Yến	Nhi	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
323	280	23621078	Đặng Ngọc	Hạnh	19CTA03	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
324	281	23621110	Trương Thị Mai	Hoa	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
325	282	23621025	Võ Trần Quyết	Tiến	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
326	283	23621037	Lê Hoàng	Triều	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
327	284	23621033	Lê Kiều	Diễm	19CTA02	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
328	285	23621145	Trương Trần Trúc	Trâm	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
329	286	23621063	Tiên Tâm	Như	19CTA03	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
330	287	23621164	Trần Hữu	Sang	19CTA06	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
331	288	23621152	Nguyễn Trần	Nguyễn	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
332	289	23621129	Lê Ngọc Hải	My	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
333	290	23621114	Bùi Thị Tuyết	Sương	19CTA04	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
334	291	23621018	Lý Thị Thanh	Thúy	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
335	292	23621011	Vương Tú	Bình	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
336	293	23621151	Hoàng	Kim	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
337	294	23621022	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
338	295	23621021	Phạm Thị Thanh	Hằng	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
339	296	23621128	Phạm Thị Quỳnh	Như	19CTA05	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
340	297	23621013	Huỳnh Vũ Hồng	Anh	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
341	298	23621028	Võ Thị Tú	Ngân	19CTA01	19	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
342	299	23622020	Trần Thị Cẩm	Thu	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
343	300	23622024	Lê Thị Hồng	Nhung	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
344	301	23622018	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	



TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
345	302	23622013	Trần Thị Xuân	Trường	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
346	303	23622022	Tài Thị Ngọc	Trinh	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
347	304	23622016	Nguyễn Kim	Tuyền	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
348	305	23622015	Lâm Ánh	Nhung	19CKR01	19	Tiếng Hàn Quốc (CKR)	Giỏi	1.000.000	
Tổng cộng									391.000.000	
Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi mốt triệu đồng chẵn./.										

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Phương Trúc

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Tú